



Bài báo nghiên cứu

CON NGƯỜI TRONG THƠ PHAN THANH GIẢN (QUA KHẢO SÁT TÁC PHẨM *LƯƠNG KHÊ THI THẢO*)

Nguyễn Trần Vĩnh Linh

Nhà thơ Mai Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Trần Vĩnh Linh – Email: linhmap70@gmail.com

Ngày nhận bài: 20-5-2020; ngày nhận bài sửa: 30-6-2020; ngày duyệt đăng: 21-10-2021

TÓM TẮT

Phan Thanh Giản là đại thần triều Nguyễn. Ông làm quan trải ba đời vua: Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Trong lĩnh vực văn học, Phan Thanh Giản là một tác gia lớn. Sáng tác của ông phong phú về nội dung và đa dạng về thể loại, trong đó có thể kể đến tập thơ Lương Khê thi thảo với khoảng 500 bài. Ngoài chủ đề thiên nhiên chiếm phần lớn dung lượng tác phẩm, chủ đề con người cũng được tác giả đề cập trong nhiều bài thơ. Bài viết phân tích một số bài thơ về chủ đề con người trong tập Lương Khê thi thảo. Con người hiện ra trong thơ ông dù thuộc tầng lớp nào cũng đều mang những nét đẹp tính cách: những người trí thức học rộng tài cao nhưng rất khiêm nhường, những vị quan thanh liêm đáng kính; những người trong thân tộc luôn gắn bó, yêu thương nhau; những người lao động hiền hòa, chăm chỉ. Thông qua đó, Phan Thanh Giản bày tỏ tình cảm nồng hậu của mình đối với những con người hiện diện trong thơ.

Từ khóa: con người; *Lương Khê thi thảo*; Phan Thanh Giản; thơ Phan Thanh Giản

1. Mở đầu

Thiên nhiên và con người là chủ đề muôn thuở của thi ca. Nếu thiên nhiên mang đến những cảm xúc thanh khiết và thoát tục thì con người mang lại cho thi ca những cảm xúc “trần thế”. Trong tư tưởng của một nhà nho, tình yêu con người là sự biết ơn và tôn kính, là sự đồng cảm với cảnh ngộ, là tiếng nói xót thương cho số phận, là sự cúi xuống với nỗi đau của tha nhân. Với Phan Thanh Giản, khi hướng về con người, ông luôn dùng một chữ “thành”¹ và cái tâm của một kẻ sĩ Nam Kỳ đôn hậu. Những con người ấy, cho dù là bậc trí giả hay một lão nông; là người thân trong gia đình hay những con người xa lạ nơi đất khách; là những vị quan tài cao đức trọng, hay những đứa trẻ bán rau, người đàn bà bán cá... tất cả đều hiện ra với vẻ dung dị, chân thật và sống động dưới ngòi bút của Lương Khê. Có thể nói, bên cạnh những bài thơ tả thiên nhiên đặc sắc, nhà thơ còn dành tình cảm nồng hậu cho con người qua những bài thơ đậm tính nhân văn.

Cite this article as: Nguyen Tran Vinh Linh (2021). Human in Phan Thanh Gian's poetry: A case study of *Luong Khe thi thao*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(10), 1807-1818.

¹ Chữ dùng của Nguyễn Thông khi nhận xét thơ văn Phan Thanh Giản.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái lược tác phẩm Lương Khê thi thảo

Lương Khê thi thảo với 18 tập thơ và 446² bài đã cho thấy bút lực đáng khâm phục của Phan Thanh Giản. Sáng tác của ông không chỉ dồi dào về số lượng, mà còn phong phú về nội dung và đa dạng về thể loại. Những bài về chủ đề thiên nhiên chiếm số lượng nhiều nhất, kế đến là nội dung về gia đình, bằng hữu, hay những sự việc được Phan Thanh Giản ghi chép lại. Các thể thơ thường được Phan Thanh Giản sử dụng trong sáng tác: ngũ ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú. Ngoài ra, thể loại trường thiên (ngũ ngôn trường thiên, thất ngôn trường thiên) cũng được ông sử dụng hiệu quả trong những bài thơ có dung lượng lớn.

Lương Khê thi thảo ví như một quyển nhật kí bằng thơ được sắp xếp thành 18 tập theo thời gian sáng tác, ứng với chặng đường bốn ba hành dịch của Phan Thanh Giản. Số lượng bài thơ ở mỗi quyển không đồng đều, quyển ít nhất chỉ có một bài (*Nam hành thảo*), quyển nhiều nhất có hơn trăm bài (126 bài – *Kim Đài thảo*), chủ yếu tả cảnh kinh đô, trên đường đi sứ, trên đường thi hành công vụ; thơ từ biệt gia đình, khóc bạn, ứng chế... 18 quyển nhỏ của *Lương Khê thi thảo* bao gồm: 1) *Thái hương thảo*, 2) *Vu Kinh thảo*, 3) *Vu Kinh hậu thảo*, 4) *La Giang thảo*, 5) *Thu Tào thảo*, 6) *La Giang hậu thảo*, 7) *Toái cảm thảo*, 8) *Hoàng Châu thảo*, 9) *Thuật chinh thảo*, 10) *Ba Lãng thảo*, 11) *Cận quang thảo*, 12) *Kim Đài thảo*, 13) *Hài Âm thảo*, 14) *Đàn Nguyên thảo*, 15) *Tổng Tinh thảo*, 16) *Tồn lạc thảo*, 17) *Nam hành thảo*, 18) *Ứng chế thảo*. (Nguyen & Cao, 2011, p.215-216)

Trên hành trình đi sứ, đi dẹp loạn, đi làm nhiệm vụ với biết bao gian lao, khổ cực, ông đều trải lòng vào thơ. Giã biệt gia đình lên Kinh ứng thí có bài *Gia biệt* (*Vu Kinh thảo*) đầy tâm tư với những lo toan, trách nhiệm của người đàn ông trong gia đình. Gặp hạn hán, thương người dân mất mùa đói kém, ông mong mưa (*Vọng vũ* – *Hài Âm thảo*). Khóc bạn Lê Bích Ngô bằng 10 bài thơ đậm tình bằng hữu (*Toái cảm thi khóc Lê Bích Ngô* – *Toái cảm thảo*). *Ai Quân nhi* (*Tồn lạc thảo*) là tiếng nấc nghẹn ngào của người cha khi mất đứa con trai yêu quý... Đi đến đâu, khi làm thơ, Lương Khê cũng thường ghi chú lại địa danh, hay mục đích, hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Vì vậy, đọc thơ ông, đọc giả không chỉ cảm cái tài thơ với ngôn ngữ dung dị, gần gũi mà còn biết được cụ thể địa danh, sự việc, điển tích mà ông đề cập. Thơ Lương Khê không chỉ cho thấy cảm xúc chân thật mà còn thấy được tính cách đáng quý của một vị nho quan: “Cương trực, khảng khái, hiếu nghĩa, thanh liêm và được nhiều người xưng tụng. Tâm hồn kín đáo, cảm giác tha hương mà Phan Thanh Giản bộc bạch trong thơ, bật lên tư tưởng của một vị Tiến sĩ không gặp thời phải mang nhiều nỗi niềm tâm sự” (Phan & Chuong, 2005, p.17).

² Theo khảo sát của chúng tôi, trong phần *Lương Khê thi thảo* của quyển *Thơ văn Phan Thanh Giản*, 446 bài thơ này không bao gồm những bài thơ mà ông chép lại của vua và của bằng hữu.

Nếu ví thơ trung đại Việt Nam thế kỉ XIX như một bản giao hưởng đa âm sắc thì thơ Phan Thanh Giản đại diện cho phân đoạn có nhịp độ chậm, trữ tình, diễn tả những cảm xúc, suy tư, sâu lắng trong thế giới nội tâm của con người.

2.2. Con người trong Lương Khê thi thảo

Phong cách thơ Phan Thanh Giản nhẹ nhàng, trầm lắng, chính vì vậy, khi viết về con người, ông luôn bày tỏ tình cảm nồng hậu, sự cảm thông sâu sắc... không hề thấy thái độ phê phán hay đả kích mạnh mẽ trong thơ ông.

Khác với một Nguyễn Du chất ngất nổi đau đời, nhạy cảm với “những điều trông thấy”, thơ Lương Khê, dù cũng là bộc lộ sự xót thương đối với tha nhân, nhưng ở ông dường như kín đáo hơn. Phan Thanh Giản ít đi sâu vào số phận từng con người cụ thể mà lo cho cả một tập thể con người: hạn hán, mất mùa, ông “vọng vũ”, cầu mưa cho dân, lo sợ giá gạo cao, dân đói kém; hành quân đến chốn sơn lâm đầy chướng khí, ông lo cho sức khỏe của quân lính; trên bước đường hành dịch gặp trở ngại bởi mưa gió, ông lo trễ việc nước, việc quân... Có thể nói, thơ ông vừa thể hiện chí khí của một nhà nho tích cực hành đạo, vừa thể hiện tình cảm thuần hậu đối với thiên nhiên, con người của một “lão nông” Nam Bộ.

2.2.1. Con người lao động

Hình ảnh con người lao động trong thơ Phan Thanh Giản luôn hiền hòa, chăm chỉ và say mê làm việc. Chính vì tình yêu dành cho người dân lao động luôn thường trực trong tâm hồn tác giả, nên dễ dàng bắt gặp những hình ảnh đó trong mọi hoàn cảnh, có thể là những cô gái xinh tươi đội lúa trên cánh đồng đang mùa thu hoạch (*Phụ lương*); những đứa bé bán rau từ hang núi đi ra, những người đàn bà bán cá quay về bến nước biếc (*Thuận Phiên*); mục đồng lừa trâu về, những người vôi vữa qua đò chiều (*Giao hành*)... Cuộc đời Phan Thanh Giản là những chuỗi ngày xê dịch. Trên hành trình ấy, nỗi nhớ quê nhà Gò Vấp luôn canh cánh bên lòng. Chính vì vậy, khi bắt gặp những hình ảnh thân quen ấy, nhà thơ đã không thể không ghi lại vài dòng thơ.

Gắn với hình ảnh lao động là khung cảnh làng quê thanh bình với non xanh nước biếc. Có thể thấy, thiên nhiên và con người hòa lẫn vào nhau làm cho bức tranh thêm sinh động:

“...Lư diêm phác địa thành cư tỵ,
Khả hạm mê tân nhậm tổ hồi.
Mại thái nhi đồng thanh động xuất,
Cô ngư phụ nữ lục tân hồi...”

(...Cổng làng dựng trên đất thành nơi quây quần sinh sống./ Thuyền ghe lạc bến mặc tình xoay tìm chỗ đậu./ Đứa trẻ bán rau từ hang núi xanh đi ra./ Người đàn bà bán cá quay về bến nước biếc...)

(*Thuận Phiên – Vu kinh thảo*)

Hình ảnh mục đồng lừa trâu về, những người lao động vội vã qua đò buổi chiều cũng được ghi nhận chi tiết trong thơ, một khung cảnh đậm chất làng quê Nam Bộ:

“Mục đồng khu độc vãn hoàn trang,
Tấn bộ hành qua thủy thượng đường...
Số đoàn yên trục khô phong khứ,
Nhất thốc nhân tranh đã độ mang”...

(Mục đồng buổi chiều lừa trâu về trang trại,/ Nhanh bước qua bờ đê trên mương nước.../ Vài đám khói theo gió khe bay đi,/ Một đám người tranh nhau vội qua đò vắng).

(*Giao hành – Thái hương thảo*)

Nếu ở Singapore, cảnh vật và sinh hoạt khác nhiều so với Việt Nam, thì khi đi sứ Trung Quốc, Phan Thanh Giản lại cảm thấy cảnh sắc thiên nhiên và sinh hoạt ở đó có phần giống quê hương mình – “Thùy thuyết sinh nhai tự cố thôn” (Ai đó nói rằng cuộc sống ở đây giống làng quê mình) (*Chu hành ngẫu đắc – Kim Đài thảo*). Nơi đây, cũng là những cánh đồng đang vào mùa gặt, cảnh vật nhuộm nắng chiều, bầy chim bay về bên kia sông và khói bếp nhà ai đang là là bay, nhưng trung tâm vẫn là hình ảnh “Cận chữ thu tân mạch” (Trên ruộng gần bờ sông người ta đang thu hoạch lúa mạch mới) (*Giang hành vãn thiếu – Kim Đài thảo*).

Những cô gái đội lúa được ông miêu tả vừa chân thực vừa pha chút trữ tình, như một bức chân dung bằng bút chì dung dị nhưng vẫn toát lên sự độc đáo của một họa sĩ tài hoa:

“Doanh doanh phụ lương nữ,
Mạch mạch tứ hà trường!
...Hồng kiềm diệp minh châu
Phong thần hà ý ni.”

(Những cô gái đội lúa thật xinh đẹp,/ Nghĩ gì mà nhìn đắm đắm thế!...Má hồng như ngọc sáng,/ Thần thái sao yêu diệu thướt tha)

(*Phụ lương – Kim Đài thảo*)

Nếu Nguyễn Trãi yêu dân bằng tư tưởng nhân nghĩa, lấy dân làm gốc – “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” (*Bình Ngô đại cáo*) – thì Phan Thanh Giản cũng yêu dân bằng những hành động hết sức chân thành. Những câu thơ trong bài *Vọng vũ* cho thấy sự trăn trở, lo lắng cho dân của Phan Thanh Giản trước cảnh hạn hán, mất mùa ở Quảng Nam (năm 1836):

...Huống phục thử khang hạn,
Nông dân thực khả thương!”

(...Huống lại bị hỏi hạn dữ này,/ Nông dân thật đáng thương!...)

(*Vọng vũ – Hải âm thảo*)

Trong thời buổi loạn lạc, mất mùa, đói kém, quan lại triều đình nhà Nguyễn vốn đã quen cuộc sống hưởng thụ, vẫn ra sức vơ vét của dân với sự cao, thuế nặng. Thương dân, dù với trọng trách chần dân của một vị quan, nhưng đôi khi ông cũng đành bất lực, chỉ biết

gửi tấm lòng yêu dân vào những bài thơ. Hai câu cuối là lời nguyện cầu cho mưa thuận gió hòa để dân được ấm no:

“Nguyện tảo giáng xuân cao,
Cập thời tô chung thương.”

(Xin trời sớm cho trận mưa màu mỡ,/ Kịp thời cứu muôn dân sống lại)

Phan Thanh Giản yêu dân rất kín đáo và sâu sắc. Ông yêu và hành động theo cách nghĩ của mình, chính vì vậy mà đôi lúc làm phật ý vua, khiến bị quở trách, bị giáng chức. Lo cho dân đang lúc đói kém, ông ngăn cản chuyến tuần du của vua, tránh cho dân cảnh đón rước vất vả và lễ vật tốn kém. Chính vì vậy mà ông bị vua trách phạt. Tuy nhiên, cũng có lúc “Thấy Phan Thanh Giản nhân hậu và thanh liêm, lại thường hay lấy lương bổng của mình giúp người nghèo khổ, nhà vua thường tặng bổng lộc cho ông” (Nguyễn, 2017, p.157). Và cũng bởi yêu dân nên ông không thể sống an nhàn, ần dật như những nhà nho lánh đời, mặc dù tư tưởng ần dật vẫn thường ngự trị trong ông:

“Đăng dư bệ sơn chi a,
Tọa dư điếu hê phong chi căn.
...Âm dư tửu hê giang chi thuần.”

(Lên trên đồi núi kia, ta sưởi ấm,/ Ngồi ở gốc cây phong, ta buông câu./...Ta uống rượu nồng cất ở sông rộng.)

(*Thu tứ từ – Vu Kinh hậu thảo*)

Tình yêu của ông đối với tha nhân cũng khác với Nguyễn Du. Trước số phận bất hạnh của mẹ con người ăn xin bên đường (trong *Sở kiến hành*) Nguyễn Du đã bật lên những tiếng thơ bi thiết để đồng cảm, sẻ chia:

“Kì thống tại tâm đầu,
Thiên nhật giai vị hoàng.”

(Nỗi đau như xé lòng,/ Trời cao có thấu nỗi!)

Trong khi đó, Phan Thanh Giản lại ưu tư, nghĩ đến nỗi khổ của dân đồng thời cũng không quên nhiệm vụ “dân chi phụ mẫu” của mình, điều này thể hiện tinh thần trách nhiệm của một nhà nho dân thân:

“Giai triều đình xích tử
Thùy nhần bất tương quan.”

(Họ đều là con dân của triều đình,/ Ai nỡ xem như không liên quan đến mình)

(*Thanh Nghệ đạo trung – Kim Đài thảo*)

Có thể thấy, trên đường đi sứ, Phan Thanh Giản đã nhận thức được nhiều điều mới mẻ về văn minh và con người xứ khác. Trong tập thơ đi sứ *Kim Đài thảo*, ông nhận thấy nơi đây cũng giống xứ mình với điểm chung là nơi đâu cũng có những người nông dân cùng khổ. Chính vì vậy, nhà thơ không chỉ yêu dân xứ mình, mà còn trắc ẩn trước sự đói kém của dân xứ người. Điều này cho thấy đối với con người, nhất là với người dân lao động, tình thương của ông là không biên giới:

“Nông dân hữu như thử,
An đắc cánh phong phì!”
(Người nông dân chỉ có như thế,/ Làm sao được ầm no?)

(*Sơn thôn – Kim Đài thảo*)

Thi hành xong nhiệm vụ trở về, thấy cảnh quê nhà niềm hân hoan chưa kịp tỏ, lòng nhà thơ lại nặng trĩu sầu thêm vì sự hiện diện của cái nghèo nơi xóm vắng:

“Canh sâu lư hạng tích,
Tân khổ thị sinh nhai.”
(Lòng sâu thêm vì ở nơi xóm quê hẻo lánh,/ Cuộc sống càng khó nhọc đắng cay.)

(*Trường Cảnh dạ bạc – Ba Lăng thảo*)

Quê hương trong thơ Phan Thanh Giản là hình ảnh một cuộc sống giản dị của những người thuộc tầng lớp dưới với những cảnh vật hết sức quen thuộc như mái tranh, bờ tre, ruộng vườn, bụi cây, ao cá... Quê hương đó luôn hiện diện trong tâm hồn, đem đến cho ông những cảm xúc nguyên sơ với cuộc sống cần lao, giản dị mà trước đây cha ông đã từng. Tình cảm quê hương của ông đồng thời cũng là tình cảm đối với người nghèo. Chính điều đó làm cho ta hiểu được tại sao thơ Phan Thanh Giản lại có thể nhạy bén đối với niềm vui được mùa của nhà nông lam lũ, cũng như nặng trĩu lo buồn trước thiên tai, hạn hán và những gì liên quan đến cuộc sống của họ.

2.2.2. Con người trí thức

Hình ảnh con người trí thức xuất hiện tràn ngập trong thơ Lương Khê, bởi đó chính là những bằng hữu mà ông yêu quý; hay những bậc trung thân, những danh sĩ mà ông nể phục bởi tài đức được ghi trong sử sách.

Bằng hữu của Lương Khê cho dù là bậc đại thần hay chỉ là nông dân chất phác cũng đều được ông quý mến như nhau. Trong *Lương Khê thi thảo*, Phan Thanh Giản nhắc nhiều đến Vũ Vĩnh Xuyên, Phan Quán Chi, Lê Bích Ngô, Trương Lượng Trai...; trong đó, Vũ Vĩnh Xuyên và Lê Bích Ngô là những người học rộng tài cao nhưng không muốn dấn thân vào quan nghiệp, chỉ thích sống cuộc đời nhà nông giản dị, vui thú tiêu dao. Nhớ bạn, Phan Thanh Giản nhớ đến những buổi cùng nhau trò chuyện dưới ánh đèn. Giờ ngồi ngắm trăng một mình càng khiến Lương Khê thấy nhớ thêm:

“Tự cựa hao hao vị thủ tài.
Kim dạ nguyệt minh hà xứ túc,”
(Chí lớn vẫn như xưa, mà chưa được dùng./ Đêm nay trăng sáng bạn ở nơi nào?)

(*Nguyệt dạ hữu hoài Vũ Văn Hoàng Vĩnh Xuyên, tịnh tự - Thu Tào thảo*)

Chưa dứt nỗi buồn vì nhớ Vũ Vĩnh Xuyên, Phan Thanh Giản đã vội nhắc đến Trương Lượng Trai với những lời lẽ đầy cảm phục:

“Thập nhị nhân trung đệ nhất nhân,
Tác thành vụ ý khởi vô nhân?”

(Trong mười hai người, ông là người đứng đầu,/ Ý vua đặc biệt tác thành cho ông, há là không có lí do)

(*Tổng Trương Lượng Trai Hảo Hợp chi nhậm Hoài Đức tri phủ – Thu Tào thảo*)

Lương Khê là thi sĩ của hoài niệm, chất liệu tạo nên giọng thơ thâm trầm của ông cũng chính do hoài niệm. Khi nhắc đến bằng hữu bằng những ngôn từ tràn đầy cảm xúc, ông không quên nhắc về kỉ niệm. Có lẽ trong số những bằng hữu mà ông luôn đối xử bằng tình cảm chân thành, thì Lê Bích Ngô đối với ông là thâm tình nhất. Mười bài thơ Lê Bích Ngô viết tặng, Phan Thanh Giản treo trang trọng trong thư trai và luôn mang theo khi dờn chỗ ở đi làm công vụ. Khi ông Lê qua đời, Phan Thanh Giản khóc bạn bằng mười bài thơ thể thiết, đầy xúc động. Phan Thanh Giản nhắc đến Bá Nha – Tử Kỳ ngầm so sánh tình bạn keo sơn của mình cũng thấm thiết như tình bạn tri âm của họ. Nhà thơ thở than trong tiếc nuối:

“Sinh biệt thù giao tử biệt sầu.”

(Sống đã xa nhau, ai xui cảnh buồn rầu chết không gặp nhau)

Lúc này, Phan Thanh Giản ở Quảng Bình, Lê Bích Ngô ở miền Nam. Chính vì không gặp được bạn trong giây phút cuối đời đã khiến ông “sóng bể kia tuôn trào in ngần cao đồng lệ”. Sự ra đi của bạn hiền cũng làm sông núi đau lòng: “Một trời mưa sắc đỏ mịt mù trên phần mộ”.

“Tổng giác tương giao nhị thập niên,

Tằng kinh nguy báỉ dữ chu toàn.

Dĩ ư Bào Thúc giả tri ngã,

Tòng thử Du Nha không tuyệt huyền.”

(Kết bạn nhau từ thuở tóc để chỏm đã hai mươi năm,/ Từng trải qua hoạn nạn và giúp đỡ nhau./ Bạn biết rõ ta cũng như Bào Thúc,/ Ta dứt bỏ dây đàn từ đây như Du Nha.)

(Toái cảm thi khóc Lê Bích Ngô – Toái cảm thảo)

Có thể thấy, bằng hữu của Phan Thanh Giản là những người có tài, có tư cách đáng quý trọng, cho dù là người có phẩm tước hay chỉ là thường dân, họ đều gắn bó và cư xử như những kẻ sĩ chân chính. Vì vậy, đọc thơ Lương Khê, người đọc cảm thấy rằng tình bằng hữu là một phần rất quan trọng trong cuộc đời ông.

Nhắc đến những con người tài hoa được Phan Thanh Giản đề cập trong thơ thì không thể bỏ qua những bậc trung thần đã thuộc về sử sách. Đối với người học vấn uyên thâm như Phan Thanh Giản, việc thuộc tích xưa và dụng điển trong thơ là điều rất đối bình thường.

Trên hành trình đi sứ, qua biết bao địa danh, thăm thú nhiều di tích, những nơi Lương Khê để lại dấu chân thường được ông ghi lại trong thơ. Chính vì sự đồng cảm với những con người lịch sử, nên Phan Thanh Giản thường làm thơ ngợi ca khí tiết anh hùng của họ. Trên hành trình, gặp biết bao dấu tích của cổ nhân, ông đều cảm khái làm thơ để ngợi ca:

“Triết nhân kiến vị hình,

Thổ hỏa tích tân thế.

Quyền quyền trung ái tâm,

Vấn giả diệc lưu thế...”

(Bậc triết nhân thấy việc khi nó chưa thành hình,/ thế như ngồi trên đồng củi âm i lửa./ Ôm khur khur tấm lòng trung ái,/ khiến người nghe đến đều phải rơi nước mắt...)

(*Trường Sa cảm hoài Giả Thái phó – Kim Đài thảo*)

Giả Thái phó là bậc trung thần tài giỏi nhà Hán, bị gian thần dèm pha, vua đày ông làm Thái Phó Trường Sa khiến ông bất đắc chí mà chết. Phan Thanh Giản vừa nuối tiếc người tài không gặp thời, vừa xót thương cho số phận bi đát của Giả Thái phó, nhưng cũng không quên chỉ trích bọn gian thần và chỉ ra những chỗ bất cập của người xưa:

“Hậu nho hảo cao luận,

Hà bất dĩ thân tề?”

(Các nhà nho đời sau thích bàn luận cao xa,/ Sao không lấy cái tề của mình để nói?)

(*Trường Sa cảm hoài Giả Thái phó – Kim Đài thảo*)

Hay một Khuất Nguyên lỗi lạc – một trung thần nước Sở, đã gieo mình xuống dòng Mịch La vì gian thần gièm pha, hãm hại. Khúc Ly tao chính là nỗi đau của sự bất lực. Vị hậu bối Phan Thanh Giản khi qua địa danh lịch sử này đã thương cảm, thở than cho số kiếp Khuất Nguyên và hoàn cảnh buồn đau đã lưu trong sử sách:

“Thiên kiêm Giang Hán khoát,

Lộ nhập Động Đình xa.

Bằng lan độc Tao Phú,

Thiên tải khái Tương La.”

(Bầu trời dưới sông Giang sông Hán rộng bao la,/Đường đi vào hồ Động Đình còn xa./ Tựa lan can độc phú Ly tao,/Thương cảm (sự việc) sông Mịch La và sông Tương từ nghìn năm trước)

(*Nhạc Dương dạ khởi tức sự – Kim Đài thảo*)

Đối với người quân tử, khí tiết luôn được đề cao. Phan Lương Khê với những vần thơ ngợi ca cho dù là bằng hữu hay chỉ là những danh nhân trong sử sách, cũng đã thể hiện phần nào tính cách con người của ông khi luôn hướng về những giá trị đạo đức của một nhà nho mẫu mực.

2.2.3. Con người thân tộc

Gia đình trong tâm thức mỗi con người là nơi yên bình nhất. Đó là chiếc chăn ấm cho ta cuộn mình những ngày đông, là mái hiên hây hẩy gió cho ta những giấc trưa nồng. Trên hết, gia đình là nơi ta tìm về sau những tháng ngày chôn chân mỗi gôi. Đối với Phan Thanh Giản, trên đường hành dịch xa xôi, nỗi nhớ người thân luôn canh cánh bên lòng. Ông nhớ cha già, anh họ, em trai, vợ hiền, con dại. Cả những hình ảnh bình dị quen thuộc nơi quê nhà như vườn rau, ao cá và nhánh cúc nép mình bên tường đông cũng được ông nhắc đến mỗi khi làm thơ bày tỏ nỗi nhớ nhà.

Cha Phan Thanh Giản là một người thanh liêm và trung thực. Khi cha bị hàm oan, Phan Thanh Giản thân hành lên tỉnh xin chịu tội thay cha nhưng không được. Hằng ngày ông vào khám thăm cha, làm thay những việc cực nhọc mà cha phải làm. Khi Phan Thanh Giản ra Huế để dự thi khoa Bính Tuất 1826, trước khi đi, nghĩ tới cảnh cha già ở lại vò võ, ông ngùi ngùi rơi nước mắt. Phan Thanh Giản từng bày tỏ việc chuyên tâm học hành là vì nối chí cha, vâng lời cha để cha vui lòng. Nhìn một người con chí hiếu như Phan Thanh Giản thì có thể thấy được sự nghiêm huấn của người cha. Lương Khê luôn nhắc đến việc hiếu để để tự răn mình:

“Tiện dưỡng tức vi lương,
Tha nhật phân du phản,
Thừa hoan hội nhất trường.”

(Muốn nuôi cha mẹ, phải làm điều tốt đẹp./ Ngày nào được quay trở lại quê nhà,/ Để sum vầy phụng dưỡng cha mẹ suốt đời.)

(*Thiên cư – Thái hương thảo*)

Trong bài *Đồng sào điệu ca (Vu Kinh thảo)*, tác giả mượn hình ảnh tổ chim để nói về gia đình. Ngay từ những câu đầu bài thơ, tác giả đã đề cập công lao cha mẹ: “Được mẹ cha che chở yêu thương”, và cha mẹ nuôi con trong tâm thế: “Nuôi con đâu chờ ngày con nuôi lại”. Chỉ có bằng sự hiếu thảo của mình, nhà thơ mới nhìn thấu sự hi sinh của cha mẹ và kết luận bằng hai câu thơ không thể nào ý nghĩa hơn:

“Cúc dục thâm kì hữu sở tự,
Vật sử đồ lao phụ mẫu tâm.”

(Mẹ cha nuôi nâng mong mỏi con thành tự./ Chớ làm phụ lòng cực nhọc của mẹ cha.)

Phan Thanh Giản không chỉ là một người con hiếu thảo trong gia đình, mà còn là một người biết yêu thương anh em. Mặc dù ông không viết nhiều bài thơ để nói về tình cảm anh em, nhưng con số ít đó cũng đủ nói lên tình huyết thống sâu đậm, sự tin tưởng gửi gắm trách nhiệm chăm sóc mẹ cha khi ông phải đi xa làm nhiệm vụ:

“Thừa hoan hỉ hữu nhĩ,
Sai khả ủy thân ưu.”

(Hầu hạ mẹ cha, mừng rằng còn có em,/ Có thể an ủi nỗi ưu phiền của cha mẹ.)

(*Vị Nê ức xá đệ – Kim Đài thảo*)

Không chỉ nhắc đến những người ruột thịt, Phan Thanh Giản còn nhắc đến cô, chú..., đặc biệt là anh họ với mối tương giao thâm tình từ nhỏ: *Trung biểu hữu nhị huynh,/ Tụ thủ tối tương ái*. (Có hai anh họ ngoại,/ Thuở nhỏ chụm đầu chơi chung rất thương nhau).

Khi từ giã vợ để ra làm quan, Phan Thanh Giản làm bài thơ *Ký nội* (bài này không có trong tập *Lương Khê thi thảo*) với những lời lẽ hết sức chân thành và tình cảm:

“Tù thuở vương xe mới chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười tớ ham dong ruổi.

Trướng gấm thương ai chịu lạnh lòng.
 Ôn nước, nợ trai đành nỗi bận,
 Cha già, nhà khó cậy nhau cùng!
 Mấy lời dặn bảo con lâm biệt,
 Rằng nhớ, rằng quên, lòng hồi lòng!”

(Thi vien, *Phan Thanh Gian's poetry page*)

Điều đặc biệt đáng kính trọng ở Phan Thanh Giản chính là sự tôn trọng, chung thủy với vợ trong khi lễ giáo phong kiến còn trọng nam, khinh nữ. Người vợ đầu qua đời, nhiều năm sau ông mới cưới vợ khác để có người chăm sóc cha. Thấy ông xa gia đình, vợ ông muốn cưới cho ông một người thiếp nhưng ông nhất mực từ chối. Điều này cũng thật hiếm thấy trong thời đại nam nhi được quyền “năm thê bảy thiếp”.

Khi lên đường ra Kinh ứng thí, ông đến tiễn biệt người vợ đã mất ở mộ phần với bài *Mỹ An dạ phát (Vu Kinh thảo)* trong đó có câu tự vấn buồn dằng dặc:

“Viễn biệt thủy tòng kim dạ
 Tái lai định thị hà niên.”
 (Từ đêm nay lên đường xa cách,
 Biết năm nào mới trở lại nơi đây?)

Qua những câu thơ chứa chan tình cảm, thấy được sự gắn bó yêu thương hết sức thân mật và chân tình của những thành viên trong gia đình Phan Thanh Giản. Từ tấm gương người cha mẫu mực, liêm khiết, đến người con hiếu thảo, tình nghĩa vợ chồng sắt son chung thủy đã cho thấy sự nền nếp trong gia đình ông.

Viết về người con trai tên Quân đã mất, những dòng thơ ông như tiếng nấc nghẹn ngào; qua đó người đọc nhận ra cậu con trai tuổi nhỏ nhưng ý chí và nghị lực thật kiên cường, nói với cha những câu đầy tình cảm nhưng đau xé lòng người:

“Đại nhân kì yên,
 Vô vị nhi sở khổ.”
 (Cha cứ yên tâm, chớ vì con mà khổ)
 Giọng kể thật xót xa đau đớn:
 “Khởi khẩu ngã tất,
 Khu lâu nhi phủ.
 Viết: Tuy tư chi,
 Tương dữ thùy dụ.
 Yên nhiên nhi thệ!”

“Rồi đứng dậy vỗ đùi ta, khom lưng gục đầu xuống, nói: Dẫu có nhớ họ, nhưng con biết nói cùng ai? Rồi thiếp đi mãi mãi.”)

Bài thơ *Ai Quân nhi* (tập *Tồn lạc thảo*) không chỉ là lời kể, là dòng nước mắt khóc con của Phan Thanh Giản, mà còn cho thấy hình ảnh người con trai tuy còn nhỏ nhưng suy nghĩ thật sâu sắc. Những câu nói bày tỏ sự cảm thông với cha, sự nhớ nhung đối với mẹ và

em khiến người đọc phải cảm thương và suy ngẫm. Từ đó thấy được giá trị của sự nghiêm huấn đối với con cái trong gia đình Phan Thanh Giản.

Phan Thanh Giản là một người cha nghiêm khắc nhưng cũng hết mực thương con. Chưa bao giờ bắt gặp trong thơ ông hình ảnh thảm thương, đau xót đến thế! Có chăng chỉ là tiếng thở dài của một vị quan lo lắng cho thời cuộc, nỗi nhớ nhà len lỏi tâm tư trên đường hành dịch, hay những khi tự vấn, độc thoại với chính mình về những thành bại và những hoài bão mà kẻ “sơ học” như ông chưa đạt được. Dường như lúc nào Phan Thanh Giản cũng thể hiện sự mực thước trong khuôn khổ một nhà nho, kể cả trong thơ. Nhưng ở *Ai Quân nhi*, ông đã nhen ngào khóc con như bao người cha khác:

“Ô hô!

Ngã kí sinh tử nhi,

Yên hà vi nhi tán?

Vân hà vi nhi tụ?”

(Hỡi ôi! Ta đã sinh ra đứa con này. Khỏi có gì tan đi? Mây có gì tụ lại?)

Chọn con đường quan nghiệp, đôi khi ông tự dằn vặt mình vì mãi lo việc nước mà chưa làm tròn đạo hiếu, chưa làm tròn phận sự trụ cột gia đình. Nhưng ở góc độ người đọc, hoàn toàn có thể cảm thông và nể phục tấm gương một nhà nho ưu thời, mẫn thế.

Phan Thanh Giản là con người đầy trách nhiệm. Ông luôn ý thức được vai trò của mình trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè. Với khí tiết của người quân tử, ông không để mình vượt khỏi khuôn khổ Nho giáo. Chính vì vậy, khi đánh giá về ông, người đời sau không nên bỏ qua giá trị đạo đức ấy trong mọi trường hợp, cuộc sống và văn chương. Cũng chính vì tinh thần trách nhiệm đó mà đến cuối đời ông vẫn chưa kịp hưởng nhàn. Cáo lão về hưu, vua không cho, ông lại dành hết tâm sức lo cho dân cho nước đến cuối đời. Nhân cách cao thượng và sự dấn thân của ông, có thể mượn câu của Phạm Trọng Yêm³ để nói về: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc” (Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ).

3. Kết luận

Phan Thanh Giản đối với con người bằng trái tim chân thành, và vì thế, con người trong thơ ông cũng mang những tính cách tương đồng. Với cha mẹ, ông là người con hiếu đễ; với vua, ông là tôi trung; với dân, ông là vị quan mẫu mực; với bằng hữu, ông là người bạn chí tình... Với tình cảm nồng hậu dành cho tha nhân, con người trong thơ ông, dù ở tầng lớp nào, cũng đều được ông yêu thương và trân trọng.

³ Phạm Trọng Yêm (989-1052 SCN) là một học giả Nho giáo và nhà chính trị nổi tiếng triều đại Bắc Tống. Ông được biết đến với câu nói bất hủ: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc” (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ)

Có thể nói, *Luong Khe thi thao* là tập đại thành về thơ của Phan Thanh Giản. Thông qua tác phẩm, người đọc nhận thấy một tâm hồn nhân hậu của thi nhân; một tính cách cương trực, liêm khiết của nhà nho; lòng trung quân ái quốc của một vị đại thần mẫn cán. Và hơn hết, chúng tôi cho rằng, tìm hiểu *Luong Khe thi thao* để nhận chân con người lịch sử – con người văn học Phan Thanh Giản là một việc làm đẹp, là lời tri ân của đời sau đối với bậc tiền nhân.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyen, D. T. (2017). Mot goc nhin ve tinh cach cua Phan Thanh Gian qua mot so tac pham cua ong [The personality of Phan Thanh Gian viewed from some of his works]. Ho Chi Minh City: *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 14(11), 148-158.
- Nguyen, K., & Cao, T. T. (2011). *100 cau hoi dap ve van hoc Han Nom o Gia Dinh – Sai Gon [100 questions and answers about Sino-Vietnamese Literature in Gia Dinh – Saigon]*. Ho Chi Minh City: Culture – Literature and Arts Publishing House.
- Phan, T. M. L. & Chuong, T. (2005). *Phan Thanh Gian's poetry and prose*. Ho Chi Minh City: Writer's Association Publishing House.
- Thi vien. *Phan Thanh Gian's poetry pages*. Retrieved from <https://www.thivien.net/Phan-Thanh-Gi%E1%BA%A3n/T%E1%BB%AB-gi%C3%A3-v%E1%BB%A3-nh%C3%A0-C4%91-i%C3%A0m-quan/poem-lZJ6V673smt0EWqcAjtqA>

HUMAN IN PHAN THANH GIAN'S PEOTRY: A CASE STUDY OF LUONG KHE THI THAO

Nguyen Tran Vinh Linh

Mai Lam Church, Phu Lam Ward, Tan Phu Dictrist, Dong Nai Province, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Tran Vinh Linh – Email: linhmap70@gmail.com

Received: May 20, 2020; Revised: June 30, 2020; Accepted: October 21, 2021

ABSTRACT

Phan Thanh Gian was a highranking mandarin of the Nguyen Dynasty, serving three reigns of King Minh Mang, King Thieu Tri and King Tu Duc. In literature, he is a great writer. His works cover a wide range of contents and a variety of genres, including Luong Khe thi thao with about 500 poems. Most of his works are about nature, yet he also wrote about human in many poems. This article analyzes some of the poems in Luong Khe thi thao. Humans who appear in his poetry, regardless of classes, all have beautiful personality traits and qualities. They are knowledgable, honorable, and yet humble. They are honest officials. Family members are always connected and support each others. Especially, workers are described to be gentle and hard-working. As reflected in these poems Phan Thanh Gian indicated his passion for people in his poetry.

Keywords: human; *Luong Khe thi thao*; Phan Thanh Giản; Phan Thanh Gian's peotry